

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘC HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST  
Ngày: 24/02/2021  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân  
sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA  
TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Phạm Thị Mai;

2/ Ông Nguyễn Văn Lai;

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2020/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An giữa các đương sự:

***1/ Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị N, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Khu phố 1, thị trấn B, huyện M, tỉnh L;

***2/ Bị đơn:*** Ông Hồ Minh N, sinh năm: 1983;

Địa chỉ cư trú: Khu phố 3, thị trấn B, huyện M, tỉnh L.

(Bà N có mặt, ông N vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1/ Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/10/2020 và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Lê Thị N như sau:

Vào ngày 18/8/2018 (Âm lịch) bà có nhận cầm của ông Hồ Minh N một máy cắt và một máy kéo trị giá 50.000.000đ và ông N đã ký vào biên nhận tiền. Tuy nhiên bà đã cho ông N mượn lại máy cắt và máy kéo. Ông N có hứa một tháng sau sẽ trả lại cho bà 50.000.000đ nhưng đến nay vẫn chưa có trả lại.

Vào ngày 17/9/2018 (Âm lịch) bà lại cho ông N vay số tiền 15.000.000đ và ông N cũng đã ký vào giấy biên nhận tiền. Ông N cũng hứa một tháng sẽ trả tiền. Sau một tháng bà có đến nhà ông N vài ngày sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Hồ Minh N trả tổng số tiền 65.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

*2. Bị đơn, ông Hồ Minh N, vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến như nội dung tóm tắt của vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ngày 21/10/2020 bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ông Hồ Minh N trả lại số tiền cầm cố và vay 65.000.000đ làm phát sinh quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về cầm cố và vay tài sản. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông N cư trú tại huyện Mộc Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Hồ Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Theo giấy biên nhận ngày 18/8/2018 và biên nhận ngày 17/9/2018 (Âm lịch) thể hiện việc ông Hồ Minh N có cầm cố và vay của bà N tổng số tiền 65.000.000đ (cầm cố nhận số tiền 50.000.000đ và vay 15.000.000đ). Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên hòa giải cho ông N. Tuy nhiên ông N không có đến tham dự các phiên hòa giải cũng như phiên tòa để đưa ra ý kiến gì, xét việc không có ý kiến phản đối gì của ông N, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, .... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó có căn cứ xác định ông N có cầm cố cho bà N để lấy số tiền 50.000.000đ. Tuy nhiên việc cầm cố trên thực tế bà N có

đưa tiền cho ông N nhưng không có giữ tài sản của ông N, do đó cũng có thể xem là ông N đã vay của bà Nhớ số tiền 50.000.000đ và khoản vay sau đó với số tiền 15.000.000đ. Tổng cộng là 65.000.000đ nhưng chưa trả được khoản tiền nào. Nay bà N yêu cầu ông N trả số tiền 65.000.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận. Bà N không yêu cầu tính lãi suất, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc ông Hồ Minh N phải trả cho bà Lê Thị N số tiền vốn vay còn nợ 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Minh N phải nộp 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Bà Lê Thị N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nhớ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.625.000đ (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000095, ngày 05/11/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An; ;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thúy Hồng**